

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022
nguồn vốn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm
2022 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh
tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thống nhất điều chỉnh và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm
2022 nguồn vốn ngân sách địa phương**

1. Điều chỉnh và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn xây
dựng cơ bản tập trung 13,5 tỷ đồng, trong đó:

- a) Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư 500 triệu đồng cho 02 dự án.
- b) Bố trí vốn trả nợ quyết toán các dự án hoàn thành 02 tỷ đồng cho 05 dự
án.
- c) Bổ sung 1,5 tỷ đồng cho 01 dự án chuyên tiếp, hoàn thành trong năm
2022.
- d) Điều chỉnh nội bộ 9,5 tỷ đồng các dự án của Ban Quản lý Khu kinh tế
Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 từ nguồn thu sắp xếp lại, xử
lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước 85,169 tỷ đồng.

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2022 từ nguồn thu tiền sử
dụng đất do tỉnh quản lý 785,5 tỷ đồng. Kế hoạch đầu tư công nguồn thu tiền sử

dụng đất năm 2022 của tỉnh sau điều chỉnh là 2.218,549 tỷ đồng (gồm vốn tỉnh quản lý 1.484,049 tỷ đồng và giao các địa phương thu chi 734,5 tỷ đồng).

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua.
2. Các nội dung khác tại các Nghị quyết số: 100/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021, 08/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022, 27/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS(02).đta.



CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân



Phụ lục tổng hợp
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
Nguồn vốn ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Đvt: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Tăng	Giảm	
	Tổng cộng	4.899.049	4.113.549	98.669	884.169	Phụ lục 1
I	Nguồn XDCB của tỉnh	1.600.000	1.600.000	13.500	13.500	
1	Phân cấp các địa phương	320.000	320.000			
2	Hoàn trả ứng trước	13.252	13.252			
3	Đối ứng ODA	40.000	40.000			
4	Bố trí trả nợ quyết toán dự án hoàn thành	13.785,123	15.785	2.000		Phụ lục 2
5	Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình khác	160.000	160.000			
6	Chuẩn bị đầu tư	5.462,637	5.963	500		
7	Vốn thực hiện chính sách thu hút đầu tư hoặc tham gia dự án theo phương thức đối tác công tư (nếu có)	-	-			
8	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi	15.000	15.000			
9	Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW	11.000	11.000			
10	Bố trí chuyển tiếp các dự án đang đầu tư	804.800	806.300	11.000	9.500	
a	<i>Bố trí chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang</i>	<i>330.020</i>	<i>330.020</i>	<i>9.500</i>	<i>9.500</i>	
b	<i>Các dự án đã KCM 2021 (bố trí chuyển tiếp)</i>	<i>474.780</i>	<i>476.280</i>	<i>1.500</i>		
11	Các dự án khởi công mới năm 2022	216.700	212.700	-	4.000	
	- Đã giao chi tiết các dự án	212.700	212.700			
	- Phân khai sau (khi dự án đủ thủ tục đầu tư)	4.000	-		4.000	
II	Xổ số kiến thiết	95.000	95.000	-	-	
1	Bố trí Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (bao gồm bố trí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; Cấp nước sạch nông thôn; Giao thông nông thôn)	40.000	40.000			
2	Bố trí chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn 2016 - 2020 chuyển qua	5.616	5.616			
3	Các dự án khởi công mới năm 2022	49.384	49.384			
III	Nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	200.000	200.000	85.169	85.169	
1	Bố trí để bù hụt thu năm 2020	79.169	-		79.169	
2	Bố trí dự án chuyển tiếp (dự án đã KCM năm 2021)	4.000	-		4.000	
3	Bố trí khởi công mới năm 2022	116.831	114.831		2.000	
4	Phân khai sau		85.169	85.169		
IV	Nguồn thu tiền sử dụng đất	3.004.049	2.218.549	-	785.500	(*)
1	Giao các địa phương thu chi	734.500	734.500			
2	Nguồn tỉnh quản lý	2.269.549	1.484.049	-	785.500	

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Tăng	Giảm	
2.1	Bố trí thực hiện các dự án	1.401.985	732.085	-	669.900	
a	Chuyển tiếp các dự án (trong đó hoàn trả ứng trước là 124,737 tỷ đồng)	298.900	208.400		90.500	
b	Lồng ghép với dự án sử dụng vốn XD CB tập trung	732.169	517.169	-	215.000	
c	Thực hiện nhiệm vụ CBĐT đối với các dự án dự kiến KCM 2021-2025	9.000	6.516		2.484	
d	Phân khai sau (cho các dự án KCM đủ điều kiện giao vốn)	361.916	-		361.916	
2.2	Thực hiện đo đạc địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền SDD	115.600	-		115.600	Giảm chi đầu tư công theo kiến nghị của KTNN
2.3	Bố trí để bù hụt thu năm 2020	751.964	751.964			

Ghi chú: (*) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 từ nguồn thu tiền sử dụng đất do tỉnh quản lý là 785,5 tỷ đồng



Phụ lục 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
Nguồn vốn ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số **41**/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Đvt: triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch năm 2022					Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh							Ghi chú					
				Số ngày quyết định	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó												
					Tổng cộng	NSDP (ngân sách tỉnh)		XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN		Thu SDD	Tổng cộng	XDCB tập trung		Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD	Trong đó vốn SDD đã nhập tabmis	XDCB tập trung			Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu			Thu SDD			
																		Kế hoạch vốn	tăng	giảm	Kế hoạch vốn		tăng	giảm	Kế hoạch vốn	tăng	giảm
Tổng cộng (A+B)				8.004.520	6.119.458	2.134.931	600.000	12.831	1.522.100	1.409.970	46.285	92.000	1.271.685	88.557	624.470	46.285	13.500	13.500	92.000	85.169	85.169	486.185	0	785.500			
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM			6.795.942	5.413.880	2.066.431	551.500	12.831	1.502.100	1.394.685	31.000	92.000	1.271.685	88.557	595.685	17.500	0	13.500	92.000	85.169	85.169	486.185	0	785.500			
I	Dự án chuyển tiếp			1.665.225	1.112.513	718.500	551.500	4.000	163.000	251.169	27.000	4.000	220.169	12.000	162.669	17.500	0	9.500	0	0	4.000	145.169	0	75.000			
1	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2014-2022	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	190.000	60.000		60.000	30.169			30.169	2.000	10.169									10.169	20.000	Chủ đầu tư đề nghị. DA vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB	
2	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2013-2022	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	146.978	5.000	5.000		2.000	2.000				0	0	2.000									Chủ đầu tư đề nghị, do vướng mắc BT GPMB (dự kiến xin dừng dự án)	
3	Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các khu dân cư trong đô thị Vạn Tường)	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2015-2022	1603/QĐ-UBND, 30/10/2014	61.078	16.078	5.500	2.500	3.000	10.000	10.000				2.500	2.500	7.500									Chủ đầu tư đề nghị, do vướng mắc BT GPMB (dự kiến xin dừng dự án)	
4	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	BQLDA ĐTXD các CT giao thông tỉnh	2021 - 2024	1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	694.057	694.057	590.000	#####	100.000	190.000			190.000	10.000	135.000									135.000	55.000	Chủ đầu tư đề nghị. DA vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB	
5	Nhà A3 tỉnh ủy	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	2021 - 2023	2093/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	65.400	65.400	58.000	54.000	4.000	19.000	15.000	4.000			15.000	15.000			0		4.000					Chủ đầu tư đề nghị. Đang thực hiện hoàn thiện nội thất, tập kết VTTB khó khăn, tiến độ thi công chậm	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh							Ghi chú							
				Số ngày quyết định	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó												
					Tổng cộng	NSDP (ngân sách tỉnh)		XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN		Thu SDD	Tổng cộng	XDCB tập trung		Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD	Trong đó vốn SDD đã nhập tabmis	XDCB tập trung			Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu			Thu SDD			
																		Kế hoạch vốn	tăng		giảm	Kế hoạch vốn	tăng	giảm	Kế hoạch vốn	tăng	giảm
II	Dự án khởi công mới năm 2022				1.054.350	805.000	803.831	0	8.831	795.000	285.831	0	8.831	277.000	46.000	143.831	0	0	0	6.831	0	2.000	137.000	0	140.000		
6	Trụ sở làm việc công an phường Phố Thạnh, thị xã Đức Phổ	Công an tỉnh	2022-2023	165/QĐ-SXD ngày 04/12/2021	10.000	10.000	8.831		8.831		8.831		8.831		6.831				6.831		2.000					Chủ đầu tư đề nghị, do vướng mắc BT GPMB (Đã nhập tabmi 1,7 tỷ đồng)	
7	Cầu Thạch An (Bình Minh - Bình Mỹ)	UBND huyện Bình Sơn	2022-2025	4425/QĐ-UBND ngày 04/12/2021	150.000	120.000	120.000			120.000	50.000			50.000	20.000	25.000							25.000		25.000		
8	Mở rộng nút giao thông ngã 5 cũ, thành phố Quảng Ngãi	UBND thành phố Quảng Ngãi	2022-2025	521/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	95.000	70.000	70.000			70.000	50.000			50.000	0	0							0		50.000	Chủ đầu tư đề nghị (từ nay đến cuối năm hoàn thành thủ tục, thi công vào đầu 2023)	
9	Đường Phan Đình Phùng nối dài - Nghĩa Trung (đoạn từ khu dân cư Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc)	UBND huyện Tư Nghĩa	2022-2025	18466/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	150.000	120.000	120.000			120.000	30.000			30.000		20.000								20.000		10.000	
10	Tuyến đường Đức Tân (Quẹo Thửa Xuân) - Quốc Lộ 24 (lý trình Km1+00 -:- Km4+420,0 (Đoạn nội thị))	UBND huyện Mộ Đức	2022-2024	17316/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	75.500	60.000	60.000			60.000	20.000			20.000	1.000	10.000								10.000		10.000	
11	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài	UBND thị xã Đức Phổ	2022-2025	13591/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	100.000	50.000	50.000			50.000	20.000			20.000	10.000	10.000								10.000		10.000	
12	Đường Huỳnh Thúc Kháng	UBND thị xã Đức Phổ	2022-2024	13592/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	36.360	20.000	20.000			20.000	20.000			20.000	15.000	15.000								15.000		5.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh						Ghi chú											
				Số ngày quyết định	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Kế hoạch vốn	tăng		giảm	Kế hoạch vốn	tăng	giảm							
					NSDP (ngân sách tỉnh)	XDCB tập trung		Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD		XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD		Trong đó vốn SDD đã nhập tabmis	XDCB tập trung									Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu			Thu SDD			
																Kế hoạch vốn	tăng								giảm	Kế hoạch vốn	tăng	giảm	Kế hoạch vốn	tăng	giảm
13	Đường và Kè chống sạt lở từ Xóm mới đến Suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long	UBND huyện Minh Long	2022-2025	2002/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	119.990	100.000	100.000			100.000	27.000			27.000		20.000						20.000		7.000							
14	Đường Ba Bích - Ba Lễ - Ba Nam	UBND huyện Ba Tư	2022-2025	4646/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	158.000	120.000	120.000			120.000	30.000			30.000		20.000						20.000		10.000							
15	Đường tránh Tây thị trấn Di Lăng	UBND huyện Sơn Hà	2022-2024	4635/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	70.000	60.000	60.000			60.000	10.000			10.000		5.000						5.000		5.000							
16	Cầu Sông Tang (Sơn Bao)	UBND huyện Sơn Hà	2022-2024	4633/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	30.000	20.000	20.000			20.000	10.000			10.000		5.000						5.000		5.000							
17	Khắc phục đường Sơn Tân - Sơn Lập (ĐH.83) và KDC Anh Nhoi 2	UBND huyện Sơn Tây	2022-2024	2926/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	59.500	55.000	55.000			55.000	10.000			10.000		7.000						7.000		3.000							
III	Vốn thực hiện các dự án khai thác quỹ đất				4.076.367	3.496.367	544.100	0	0	544.100	297.000	0	0	297.000	30.557	204.016	0	0	0	0	0	0	204.016	0	92.984						
III.1	Dự án chuyên tiếp				1.096.367	1.096.367	542.100	0	0	542.100	292.000	0	0	292.000	30.557	201.500	0	0	0	0	0	0	201.500	0	90.500						
18	Khu dân cư Yên Phú	Sở Tài nguyên - Môi trường	2011-2021	832/QĐ-UBND, 10/6/2011;	123.873	123.873	25.700			25.700	11.000			11.000	0	5.000						5.000		6.000	Chủ đầu tư đề nghị						
19	Khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	Sở Tài nguyên - Môi trường	2017-2021	1416/QĐ-UBND 01/8/2017	40.000	40.000	19.000			19.000	19.000			19.000	0	14.000						14.000		5.000	Chủ đầu tư đề nghị. Dự án vướng BTGPMB						
20	Khu dân cư phía Bắc Đường Huỳnh Thúc Kháng	Sở Tài nguyên - Môi trường	2017-2022	1652/QĐ-UBND 01/9/2017	230.000	230.000	135.000			135.000	112.000			112.000	14.013	107.000						107.000		5.000	Chủ đầu tư đề nghị (KH 2022 bao gồm hoàn trả ứng trước 79,751 tỷ đồng)						

Phụ lục 2.2
DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRÍ TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN
Nguồn vốn: Xây dựng cơ bản tập trung

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Quyết toán					Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2022 trả nợ quyết toán	Ghi chú
					Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó:					
							Vốn Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ			120.714,367		98.643,593	0	98.643,593	0	93.831,200	2.000,000	
1	Nhà tiêu đội dân quân thường trực các xã trọng điểm (23 xã)	BCH Quân sự tỉnh	4/2019-10/2021	27.000,000	67/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh	24.105,786	0	24.105,786	0	22.398,200	961,862	Đã trả đợt 1 là 745,724 triệu đồng tại QĐ số 824/QĐ-UBND ngày 28/7/2022
2	Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	12/2019-6/2020	25.000,000	357/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh	12.164,297	0	12.164,297	0	12.133,000	46,834	
3	Kênh thoát nước đoạn cuối đường Võ Văn Kiệt	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	3/2018-11/2021	9.694,000	93/QĐ-STC ngày 25/5/2022 của Sở Tài chính	8.902,910	0	8.902,910	0	9.300,000	48,872	
4	Đường số 6 KCN Tịnh Phong	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	10/2019-01/2022	21.164,367	145/QĐ-STC ngày 14/7/2022 của Sở Tài chính	17.800,404	0	17.800,404	0	17.000,000	812,531	
5	Xe truyền hình lưu động 5 camera	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	12/2015-12/2020	37.856,000	443/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh	35.670,196	0	35.670,196	0	33.000,000	129,901	Còn lại 2.904,506 triệu đồng sẽ trả đợt sau

